



Mã số: AC
Thông qua: 1/20/11
Sửa đổi/Tái thông qua: 12/11/15; 25/6/20; 27/1/22;
8/12/22

Không phân biệt đối xử**

Học khu nghiêm cấm phân biệt đối xử và quấy rối trên bất kỳ cơ sở nào được pháp luật bảo vệ, bao gồm nhưng không giới hạn ở chủng tộc, ¹màu da, tôn giáo, giới tính, khuynh hướng tình dục, bản dạng giới, nguồn gốc quốc gia hoặc dân tộc, tình trạng hôn nhân, tuổi tác, khuyết tật về tinh thần hoặc thể chất, mang thai, tình trạng gia đình, tình trạng kinh tế hoặc tình trạng cựu chiến binh, hoặc vì chủng tộc được nhận thức hoặc thực tế, màu da, tôn giáo, giới tính, khuynh hướng tình dục, bản dạng giới, nguồn gốc quốc gia hoặc dân tộc, tình trạng hôn nhân, tuổi tác, khuyết tật về tinh thần hoặc thể chất, mang thai, tình trạng gia đình, tình trạng kinh tế hoặc tình trạng cựu chiến binh của bất kỳ người nào khác mà cá nhân đó liên kết.

Học khu nghiêm cấm phân biệt đối xử và sách nhiễu, nhưng không giới hạn, việc làm, phân công và thăng tiến nhân sự; cơ hội và dịch vụ giáo dục được cung cấp cho sinh viên; phân công học sinh đến trường, lớp; kỷ luật học sinh; vị trí và sử dụng cơ sở vật chất; các dịch vụ và tài liệu giáo dục; và cung cấp chỗ ở cho công chúng tại các cuộc họp công cộng.

Hội đồng khuyến khích tất cả nhân viên, học sinh, gia đình và công chúng tôn trọng tất cả các cá nhân và sự đa dạng của cộng đồng chúng ta.

Giám đốc học khu sẽ chỉ định các cá nhân tại học khu liên hệ về các vấn đề liên quan đến Đạo luật Người khuyết tật Hoa Kỳ và Đạo luật Sửa đổi Đạo luật Người khuyết tật Hoa Kỳ (ADA), Mục 504 của Đạo luật Phục hồi, Tiêu đề VI và VII của Đạo luật Dân quyền, Tiêu đề IX của Sửa đổi Giáo dục, và các vấn đề dân quyền hoặc phân biệt đối xử khác, và thông báo cho học sinh, Phụ huynh và nhân viên với tên, địa chỉ văn phòng và số điện thoại của họ. Học khu sẽ công bố các thủ tục khiếu nại cung cấp để giải quyết nhanh chóng và công bằng các khiếu nại từ học sinh, nhân viên và công chúng, và các thủ tục đó sẽ có sẵn tại văn phòng hành chính của học khu và có sẵn trên trang chủ của trang web của học khu.

Học khu nghiêm cấm trả thù và phân biệt đối xử đối với một cá nhân đã phản đối bất kỳ hành động hoặc thực tiễn phân biệt đối xử nào; vì người đó đã nộp đơn tố cáo, làm chứng, hỗ trợ hoặc tham gia vào một cuộc điều tra, tố tụng hoặc điều trần; và tiếp tục cấm bất kỳ ai ép buộc, đe dọa, đe dọa hoặc can thiệp vào một cá nhân để thực hiện bất kỳ quyền nào được đảm bảo theo luật tiểu bang và liên bang.

¹ Bao gồm việc sử dụng phân biệt đối xử linh vật người Mỹ bản địa theo OAR 581-021-0047. Chủng tộc cũng bao gồm thể chất các đặc điểm có liên quan đến lịch sử với chủng tộc, bao gồm nhưng không giới hạn ở tóc tự nhiên, kết cấu tóc, loại tóc và kiểu tóc bảo vệ theo định nghĩa của ORS 659A.001 (được sửa đổi bởi Dự luật Hạ viện 2935 (2021)).

Các khiếu nại về phân biệt đối xử hoặc quấy rối, dựa trên đặc điểm được pháp luật bảo vệ, sẽ được xử lý phù hợp theo bất kỳ chính sách và quy định hành chính hiện hành nào khác của học khu.

KẾT THÚC CHÍNH SÁCH

(Các) tài liệu tham khảo pháp lý:

ORS 174.100	ORS 659A.006	ORS 659A.409
ORS 192.630	ORS 659A.009	OAR 581-002-0001 - 002-0005
ORS 326.051(1)(e)	ORS 659A.029	OAR 581-021-0045
ORS 408.230	ORS 659A.030	OAR 581-021-0046
ORS 659.805	ORS 659A.040	OAR 581-021-0047
ORS 659.815	ORS 659A.103 - 659A.145	OAR 581-022-2310
ORS 659.850 - 659.860	ORS 659A.230 - 659A.233	OAR 581-022-2370
ORS 659.865	ORS 659A.236	OAR 839-003
ORS 659A.001	ORS 659A.309	
ORS 659A.003	ORS 659A.321	

Đạo luật phân biệt đối xử tuổi tác năm 1975, 42 USC §§ 6101-6107 (2018).

Đạo luật phân biệt đối xử tuổi tác trong việc làm năm 1967, 29 USC §§ 621-633 (2018); 29 CFR Phần 1626 (2019).

Đạo luật Người khuyết tật Hoa Kỳ năm 1990, 42 USC §§ 12101-12112 (2018); 29 CFR Phần 1630 (2019); 28 CFR Phần 35 (2019).

Đạo luật trả lương bình đẳng năm 1963, 29 USC § 206 (d) (2018).

Đạo luật Phục hồi năm 1973, 29 USC §§ 791, 793-794 (2018); 34 CFR Phần 104 (2019).

Tiêu đề IX của Sửa đổi Giáo dục năm 1972, 20 USC §§ 1681-1683, 1701, 1703-1705, 1720 (2018); Không phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính trong các chương trình giáo dục hoặc các hoạt động nhận hỗ trợ tài chính liên bang, 34 CFR Phần 106 (2020).

Tiêu đề VI của Đạo luật Dân quyền năm 1964, 42 USC § 2000d (2018); 28 CFR §§ 42.101-42.106 (2019).

Tiêu đề VII của Đạo luật Dân quyền năm 1964, 42 USC § 2000e (2018); 29 CFR § 1601 (2019).

Wygant v. Jackson Bd. của Educ., 476 Hoa Kỳ 267 (1989).

Đạo luật sửa đổi Đạo luật Người khuyết tật Hoa Kỳ năm 2008, 42 USC §§ 12101-12133 (2018); 29 CFR Phần 1630 (2019); 28 CFR Phần 35 (2019).

Đạo luật Hỗ trợ Điều chỉnh Cựu chiến binh Thời đại Việt Nam năm 1974, 38 U.S.C. § 4212 (2018).

Đạo luật không phân biệt đối xử thông tin di truyền năm 2008, 42 USC § 2000ff-1 (2018); 29 CFR Phần 1635 (2019).

Hóa đơn nhà 2935 (2021).

Hóa đơn nhà 3041 (2021).

Tham chiếu chéo:

ACA - Người Mỹ khuyết tật

ACB - Mỗi sinh viên đều thuộc về

GBA - Cơ hội việc làm bình đẳng

GBEA - Quấy rối nơi làm việc

JB - Cơ hội giáo dục bình đẳng

KL - Khiếu nại công khai Như được sử dụng trong chính sách này, thuật ngữ cha mẹ bao gồm người giám hộ hợp pháp hoặc người trong mối quan hệ cha mẹ. Tình trạng và nghĩa vụ của người giám hộ hợp pháp được xác định trong ORS 125.005 (4) và 125.300 - 125.325. Việc xác định xem một cá nhân có hành động trong mối quan hệ cha mẹ hay không, nhằm mục đích xác định nơi cư trú, phụ thuộc vào việc đánh giá các yếu tố được liệt kê trong ORS 419B.373. Việc xác định cho các mục đích khác phụ thuộc vào việc đánh giá các yếu tố đó và giấy ủy quyền được thực hiện theo ORS 109.056. Đối với học sinh giáo dục đặc biệt, phụ huynh cũng bao gồm cha mẹ thay thế, học sinh trưởng thành mà quyền đã chuyển giao và cha mẹ nuôi như được định nghĩa trong OAR 581-015-2000.